

## KẾ HOẠCH

### Tổng kết 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Kế hoạch số 1871/KH-TTTP ngày 27/7/2017 của Thanh tra Chính phủ Về tổng kết 3 năm thực hiện Luật Tiếp công dân.

Nhằm triển khai đánh giá về tình hình thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum từ ngày 01/7/2014 đến 01/7/2017. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện “Tổng kết 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum”, như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

##### 1. Mục đích:

- Đánh giá khách quan, toàn diện thực tiễn 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh. Qua đó xác định những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập và trong việc tổ chức thi hành Luật Tiếp công dân.

- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập; đề xuất Thanh tra Chính phủ kiến nghị Quốc hội, Chính phủ sửa đổi Luật Tiếp công dân và những văn bản có liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng, hiệu quả tiếp công dân.

##### 2. Yêu cầu:

- Việc tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan và toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh, triển khai đến từng Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố; bảo đảm tiến độ, hiệu quả và tiết kiệm.

- Nội dung tổng kết phải thiết thực, phản ánh đúng thực tế tại các đơn vị, dựa trên kết quả đánh giá, tổng kết của UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

#### II. PHẠM VI, NỘI DUNG TỔNG KẾT:

##### 1. Phạm vi tổng kết:

Tổng kết toàn diện các quy định của Luật Tiếp công dân và thực tiễn 3 năm thực hiện kể từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2017 trên phạm vi toàn tỉnh.

##### 2. Nội dung tổng kết:

Tổng kết thực hiện Luật Tiếp công dân tập trung vào các nội dung cơ bản sau:

- Tình hình triển khai thực hiện Luật (công tác chỉ đạo của lãnh đạo các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương; việc xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai;

ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành, việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định...).

- Tình hình công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh từ khi Luật Tiếp công dân có hiệu lực thi hành.

- Đánh giá tình hình, kết quả của hoạt động tiếp công dân và những thuận lợi, hạn chế khó khăn trong việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp công dân:

+ Về quyền, nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của người tiếp công dân.

+ Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban Tiếp công dân các cấp, các ngành.

+ Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan nhà nước trong việc tiếp công dân; trách nhiệm của cán bộ tiếp công dân thường xuyên.

+ Hoạt động tiếp công dân trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung.

+ Hoạt động phân loại và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong quá trình tiếp công dân.

+ Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động tiếp công dân.

- Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Tiếp công dân (nếu có).

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

#### **1. Đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành tổng kết đánh giá 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn mình quản lý; hướng dẫn các xã, phường, thị trấn tổng kết việc thi hành Luật Tiếp công dân theo quy định. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, UBND các huyện, thành phố có thể tổ chức hội nghị tổng kết việc thực hiện Luật Tiếp công dân trên địa bàn.

- Xây dựng Báo cáo tổng kết Luật Tiếp công dân theo Đề cương báo cáo tổng kết và các số liệu tại Biểu mẫu số 01 và Biểu mẫu số 2a,b kèm theo Kế hoạch này; gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) trước ngày 25/9/2017 để tổng hợp.

#### **2. Đối với các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh:**

Các sở, ban ngành trực thuộc tỉnh tiến hành tổng kết đánh giá 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân tại ngành mình và xây dựng Báo cáo tổng kết Luật Tiếp công dân theo Đề cương báo cáo tổng kết, hoàn thành các số liệu tại Biểu mẫu số 01 và Biểu mẫu số 2a kèm theo Kế hoạch này; gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) trước ngày 25/9/2017 để tổng hợp.

**3. Đề nghị Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy:** Tiến hành tổng kết đánh giá 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân tại đơn vị mình và xây dựng Báo cáo tổng kết Luật Tiếp công dân theo Đề cương báo cáo tổng kết,

hoàn thành các số liệu tại Biểu mẫu số 01 và Biểu mẫu số 2a kèm theo Kế hoạch này; gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) trước ngày 25/9/2017 để tổng hợp.

**4. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh:** Tiến hành tổng kết đánh giá 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân tại đơn vị mình và xây dựng Báo cáo tổng kết Luật Tiếp công dân theo Đề cương báo cáo tổng kết, hoàn thành các số liệu tại Biểu mẫu số 01 và Biểu mẫu số 2a kèm theo Kế hoạch này; gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) trước ngày 25/9/2017 để tổng hợp.

**5. Đối với Thanh tra tỉnh:**

- Làm cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai tổng kết đánh giá 3 năm thực hiện Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá của các Sở, ban ngành, đơn vị, địa phương gửi về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh).

- Tổng hợp tham mưu cho UBND tỉnh Báo cáo tổng kết đánh giá 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh (theo đúng Đề cương báo cáo tổng kết và bảng, biểu mẫu số liệu được Thanh tra Chính phủ hướng dẫn), gửi về UBND tỉnh trước ngày 05/10/2017.

**IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:**

Kinh phí thực hiện tổng kết Luật Tiếp công dân của các Sở, ban, ngành, địa phương cân đối từ ngân sách của đơn vị đã được bố trí trong năm.

UBND tỉnh yêu cầu Thanh tra tỉnh, các Sở, ban ngành, các đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố bám sát Kế hoạch này để tập trung tổ chức tổng kết đánh giá 3 năm thi hành Luật Tiếp công dân đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, kịp thời báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban NC Tỉnh ủy, UBKT Tỉnh ủy;
- Công an tỉnh, TAND tỉnh;
- Viện KSND tỉnh, Cục THADS tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT-TD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hòa

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT VIỆC THỰC HIỆN  
LUẬT TIẾP CÔNG DÂN CỦA UBND TỈNH, THÀNH PHỐ  
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

( Kỳ báo cáo: từ ngày 01/7/2014 đến 01/7/2017)

**I. VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT  
TIẾP CÔNG DÂN**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt việc thực hiện Luật tiếp công dân.
2. Việc ban hành các văn bản để tổ chức triển khai Luật tiếp công dân.
3. Hoạt động quán triệt Luật tiếp công dân cho cán bộ, công chức, viên chức; tuyên truyền, phổ biến đối với các tầng lớp nhân dân.
4. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

**II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG  
DÂN TỪ 01/7/2014 ĐẾN 01/7/2017**

1. Bối cảnh và tình hình chung về công tác tiếp công dân của địa phương từ ngày 01/7/2014 đến 01/7/2017.

2. Thống kê và phân loại khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo nội dung, tính chất vụ việc và theo thẩm quyền giải quyết:

- *Theo nội dung, tính chất vụ việc:* khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đông người, phức tạp.

- *Theo thẩm quyền giải quyết:* khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước; Hội đồng nhân dân các cấp; Đảng bộ các cấp; Đoàn đại biểu Quốc hội cấp tỉnh.

3. Tổng hợp và phân tích kết quả xử lý các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: chuyển cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết; hướng dẫn cho công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết; thụ lý để giải quyết theo thẩm quyền.

**III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT  
TIẾP CÔNG DÂN**

Nêu thực trạng công tác tiếp công dân và đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các quy định của Luật tiếp công dân qua các nội dung sau:

**1. Quyền, nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của người tiếp công dân**

- Việc kiểm tra, đôn đốc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và người đứng đầu các cơ quan trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân.

- Việc bố trí công chức làm công tác tiếp công dân tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện và tại UBND cấp xã.

- Việc tiếp công dân của đại biểu Quốc hội, của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân ở địa phương.

- Việc bố trí địa điểm tiếp công dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, cá nhân: công bố thông tin về việc tiếp công dân; việc tiếp nhận và xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; việc phân loại và chuyển đơn; trách nhiệm thông báo cho Ban tiếp công dân, người tiếp công dân về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được chuyển đến; việc thông báo kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

b) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các quy định trên.

#### **4. Việc tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung**

a) Thực trạng thực hiện các quy định về:

- Số lượng đoàn đông người đến Trụ sở, địa điểm tiếp công dân tại địa phương.

- Việc tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung tại nơi tiếp công dân.

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và sự phối hợp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

b) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong việc thực hiện các quy định trên.

#### **5. Điều kiện đảm bảo cho hoạt động tiếp công dân**

a) Thực trạng thực hiện các quy định về:

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động tiếp công dân (kinh phí, trang thiết bị, việc áp dụng công nghệ thông tin...).

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân.

DANH SÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC C, VIÊN CHỨC LÀM CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

(Kèm theo Kế hoạch số 1871/KH-TTTP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Thanh tra chính phủ)

T	Tên đơn vị	Tổng số CC, VC hiện có	Trong đó		Chia theo ngạch công chức										Chia theo trình độ đào tạo										Chia theo độ tuổi						Chỉ chú											
			Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	CVCC và TD	CVC và TD	CV và TD	CS và TB	Nhân viên	Chuyên môn					Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ			Quản lý nhà nước			Từ 51 đến 60														
												Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Ngoại ngữ	Chứng chỉ (A,B,C)	Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)	Chứng chỉ tiếng dân tộc		CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 56 đến 60		
																								Đạt học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)																	
1	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38			
1	Lãnh đạo Ban tiếp công dân trung ương																																									
2	Lãnh đạo Ban tiếp công dân cấp tỉnh																																									
3	Lãnh đạo Ban tiếp công dân cấp huyện																																									
4	Công chức làm công tác tiếp công dân của Ban tiếp công dân trung ương																																									
5	Công chức, viên chức làm công tác tiếp dân của Bộ, cơ quan ngang bộ																																									
6	Công chức, viên chức làm công tác tiếp dân của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh																																									
7	Công chức, viên chức chuyên trách tiếp công dân tại Ban tiếp công dân cấp tỉnh																																									
8	Công chức, viên chức chuyên trách tiếp công dân tại Ban tiếp công dân cấp huyện																																									
9	Người được phân công tiếp công dân ở cấp xã																																									
10	Công chức làm công tác tiếp công dân của các đơn vị thuộc bộ																																									
11	Công chức của các cơ quan khác cử người tham gia tiếp công dân ở trụ sở tiếp công dân trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện																																									
	TỔNG SỐ																																									

Số lượng công chức, viên chức được bồi dưỡng nghiệp vụ tiếp công dân



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**  
(số liệu tính từ ngày 01/7/2014 đến ngày 1/7/2017)

Cơ quan	Tiếp nhận					Phân loại đơn khiếu nại, tố cáo (số đơn)																			Đơn khác (kiến nghị, phản ánh, đơn nặc danh)	Kết quả xử lý đơn khiếu nại, tố cáo				Ghi chú			
	Tổng số đơn	Đơn tiếp nhận trung kỳ		Đơn kỳ trước chuyển sang		Theo nội dung											Theo thẩm quyền giải quyết			Theo trình tự giải quyết			Đơn thuộc thẩm quyền										
		Đơn có nhiều người đồng tên	Đơn một người đồng tên	Đơn có nhiều người đồng tên	Đơn một người đồng tên	Đơn đủ điều kiện xử lý	Khiếu nại						Tố cáo					Của các cơ quan hành chính các cấp	Của cơ quan tư pháp các cấp	Của cơ quan Đảng	Chưa được giải quyết	Đã được giải quyết lần đầu	Đã được giải quyết nhiều lần	Số văn bản hướng dẫn		Số đơn chuyển cơ quan có thẩm quyền	Số công văn đơn độc việc giải quyết	Khiếu nại	Tố cáo				
							Lĩnh vực hành chính			Lĩnh vực tư pháp	về Đảng	Tổng	Lĩnh vực hành chính	Lĩnh vực tư pháp	Tham nhũng	về Đảng	Lĩnh vực khác																
							Tổng	Lĩnh vực dân số	Về nhà, tư sản																			Về chính sách, chế độ CC, VC	Lĩnh vực CT, VH, XH khác				
MS	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7=8+9+10+11	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17+18+19	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
Trụ sở tiếp công dân Trung ương																																	
Sở, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ																																	
Cơ quan thuộc bộ																																	
Trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh																																	
Sở và cơ quan tương đương ở																																	
Trụ sở tiếp công dân huyện Ủy ban nhân dân cấp xã																																	
Tổng																																	

**Lưu ý:**

- Tổng đơn cột số (7) + cột (14) = Tổng số đơn từ cột (20) đến cột (22) = Tổng số đơn từ cột (23) đến cột (25)
- Cột (6) đủ điều kiện xử lý là loại đơn không trùng lặp, có danh và rõ nội dung, địa chỉ
- Cột "Đơn vị" để các bộ, ngành, địa phương thống kê kết quả thực hiện của các đơn vị trực thuộc

..., ngày tháng năm  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)